

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán các khoản thu năm học 2020 -2021

Căn cứ vào văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BGDĐT ngày 18/6/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động trường mầm non; Căn cứ vào Nghị định số 157/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về Quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

Căn cứ công văn số 2124/SGDĐT-KHTC ngày 03/9/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc “Hướng dẫn thực hiện các khoản thu, chi ngoài ngân sách, chấn chỉnh tình trạng lạm thu trong cơ sở giáo dục từ năm học 2019-2020”;

Căn cứ hướng dẫn số 795/PGD&ĐT ngày 09/9/2018 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều “V/v hướng dẫn thực hiện các khoản thu, chi ngoài ngân sách; chấn chỉnh tình trạng lạm thu trong các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn thị xã từ năm học 2019-2020”;

Căn cứ vào biên bản họp Ban đại diện phụ huynh ngày 26/05/2021 tại văn phòng trường MN Sơn Ca.

Căn cứ vào biên bản họp họp phụ huynh các lớp ngày 27/05/2021 tại các lớp trường MN Sơn Ca.

Căn cứ tình hình thực tế thu chi các nguồn thỏa thuận.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán các khoản thu thỏa thuận năm học 2020 – 2021 của trường mầm non Sơn Ca (Kèm theo biểu mẫu 04 ngày 31/05/2021)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận hành chính kế toán và các bộ phận có liên quan thực hiện Quyết định này./.

Hiệu trưởng

Nơi nhận:

- BGH nhà trường;
- Lưu phòng KT

Phạm Thị Phương Thảo

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NGUỒN KHÁC
NĂM 2020 - 2021

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
A	Quyết toán thu		
I	Tổng số thu	252.500.000	252.500.000
1	Thu phí, lệ phí	252.500.000	252.500.000
	<i>(Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)</i>		
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ		
	<i>(Chi tiết theo từng loại hình SX, DV)</i>		
3	Thu viện trợ (chi tiết theo từng dự án)		
4	Thu sự nghiệp khác	995.559.000	995.559.000
4.1	Tiền ăn	612.566.000	612.566.000
4.3	Tiền chăm sóc bán trú (thừa giờ)	262.391.500	262.391.500
4.4	Tiền Vệ sinh chung	16.310.000	16.310.000
II	Số thu nộp NSNN		
1	Phí, lệ phí		
	<i>(Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)</i>		
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ		
	<i>(Chi tiết theo từng loại hình SX, DV)</i>		
3	Hoạt động sự nghiệp khác		
	<i>(Chi tiết theo từng loại thu)</i>		
III	Số được để lại chi theo chế độ	252.500.000	252.500.000
1	Phí, lệ phí	252.500.000	252.500.000
	<i>Chi sửa chữa CSVS , chuyên môn</i>		

2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ		
	<i>(Chi tiết theo từng loại hình SX, DV)</i>		
3	Thu viện trợ		
4	Hoạt động sự nghiệp khác	891.267.500	891.267.500
4.1	Tiền ăn	612.566.000	612.566.000
4.2	Tiền chăm sóc bán trú (thừa giờ)	262.391.500	262.391.500
4.3	Tiền Vệ sinh chung	16.310.000	16.310.000

Ngày 31 tháng 05 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị

Phạm Thị Phương Thảo